

TUẦN 12/HK2

Nội dung:

+ Giới thiệu nội dung lý thuyết, bài tập cơ bản “PHƯƠNG TRÌNH CHỨA DẤU GIÁ TRỊ TUYỆT ĐỐI” (có hướng dẫn ví dụ mẫu, các bài tập tự luyện học sinh tự thực hiện).

+ Luyện tập “ “HÌNH HỘP CHỮ NHẬT”, “THỂ TÍCH HÌNH HỘP CHỮ NHẬT”

ĐẠI SỐ

PHƯƠNG TRÌNH CHỨA DẤU GIÁ TRỊ TUYỆT ĐỐI

A. NỘI DUNG LÝ THUYẾT:

1. Nhắc lại về giá trị tuyệt đối:

$|a| = a$ khi $a \geq 0$

$|a| = -a$ khi $a \leq 0$

Ví dụ 1:

a/ $A = |x-3| + x - 2$ khi $x \geq 3$

Khi $x \geq 3$, ta có $x-3 \geq 0$ nên $|x-3| = x-3$

Vậy $A = x-3 + x-2 = 2x-5$

b/ $B = 4x+5 + |-2x|$ khi $x > 0$

Khi $x > 0$, ta có $-2x < 0$ nên $|-2x| = -(-2x) = 2x$.

Vậy $B = 4x+5+2x = 6x+5$

?1/

a/ $C = |-3x| + 7x - 4$ khi $x \leq 0$

Khi $x \leq 0$, ta có: $-3x \geq 0$

Nên $|-3x| = -(-3x) = 3x$

Vậy $C = 3x+7x-4 = 10x-4$

b/ $D = 5-4x + |x-6|$ khi $x < 6$

Khi $x < 6$, ta có $x-6 < 0$

Nên $|x-6| = -(x-6) = -x+6$

Vậy $D = 5-4x-x+6 = -5x+11$

2. Giải phương trình chứa dấu giá trị tuyệt đối:

Ví dụ 2:

1/ Giải pt: $|3x|=x+4$

Giải:

Ta có: $|3x|=3x$ khi $3x \geq 0$ hay $x \geq 0$

$|3x|=-3x$ khi $3x < 0$ hay $x < 0$

Vậy để giải pt (1) ta quay về giải hai pt sau:

a/ Pt: $3x=x+4$ với ĐK: $x \geq 0$

Ta có: $x=2$ thỏa mãn ĐK $x \geq 0$ nên 2 là nghiệm của pt(1).

b/ Pt: $-3x=x+4$ với ĐK $x < 0$

Ta có: $x=-1$ thỏa mãn ĐK $x < 0$ nên $x=-1$ là nghiệm của pt 1.

Vậy: $S=\{-1;2\}$

2/ Giải pt: $|x-3|=9-2x$

Ta có:

$|x-3|=x-3$ khi $x \geq 3$

$|x-3|=-x+3$ khi $x < 3$

a/ Pt: $x-3=9-2x$ khi $x \geq 3$

Ta có: $x=4$ (thỏa)

b/ $-x+3=9-2x$ khi $x < 3$

Ta có: $x=6$ (loại)

Vậy: $S=\{4\}$

B. BÀI TẬP

Giải các phương trình chứa dấu giá trị tuyệt đối sau:

$$1/ 5 - |3x - 0,5| = 2,5$$

$$\Leftrightarrow |3x - 5| = 2,5$$

$$\Leftrightarrow 3x - 5 = 2,5 \text{ hay } 3x - 5 = -2,5$$

$$\Leftrightarrow x = 2,5 \text{ hay } x = \frac{5}{6}$$

$$\text{Vậy } S = \left\{2,5; \frac{5}{6}\right\}$$

$$2/ |3x-1| + x - 7 = 0$$

$$\text{TH1: } x \geq \frac{1}{3}$$

$$3x - 1 + x - 7 = 0$$

$$\Leftrightarrow x = 2 \text{ (nhận)}$$

$$\text{TH2: } x \leq \frac{1}{3}$$

$$1 - 3x + x - 7 = 0$$

$$\Leftrightarrow x = -3 \text{ (nhận)}$$

$$\text{Vậy } S = \{-3; 2\}$$

$$3/7 - |3x + 1| = 5$$

$$4/ \left| x - \frac{5}{2} \right| - \frac{1}{2} = 3$$

$$5/ |2x - 1| = 7$$

$$6/ |2x + 1| - 2 = 7$$

$$7/ 8 - |2x + 3| = 5$$

HÌNH HỌC

LUYỆN TẬP HÌNH HỘP CHỮ NHẬT - THỂ TÍCH HÌNH HỘP CHỮ NHẬT

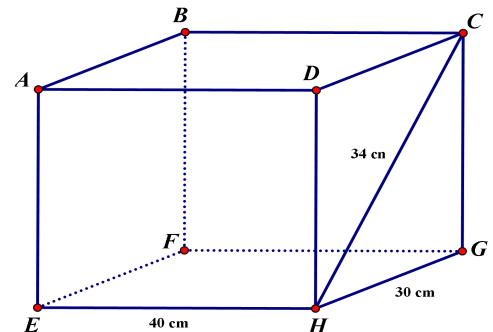
Bài 1: Một cái bể hình hộp chữ nhật ABCD

EFGH có các kích thước EH = 40 cm, HG = 30 cm

CH = 34 cm như hình vẽ.

a) Tính chiều cao CG của hình hộp.

b) Người ta đổ 12 000 cm³ khối nước vào bể. Hỏi nước trong bể dâng lên cách miệng bể bao nhiêu cm? Biết thể tích hình hộp chữ nhật là $V = \text{Dài} \times \text{Rộng} \times \text{Cao}$.



Hướng dẫn:

a/ Xét $\triangle CGH$ vuông tại G, ta có:

$$CH^2 = CG^2 + HG^2 \text{ (định lý Pytago)}$$

$$34^2 = CG^2 + 30^2$$

$$CG^2 = 256$$

$$CG = 16$$

Vậy chiều cao CG của hình hộp là: 16 cm.

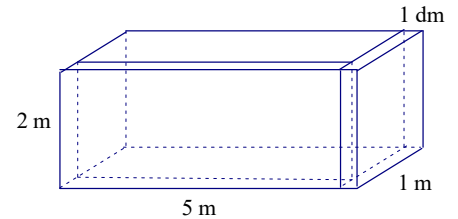
b/ Chiều cao của mực nước là:

$$\frac{12000}{40.30} = 10 \text{ (cm)}$$

Vậy nước trong bể dâng lên cách miệng bể là:

$$16 - 10 = 6 \text{ (cm)}$$

Bài 2: Người ta xây một bồn chứa dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài, chiều rộng, chiều cao lần lượt là 5 m, 1 m, 2 m. Biết rằng bồn chỉ xây hai vách và mỗi vách có độ dày 1 dm như hình vẽ. Tính xem bồn chứa đầy nước thì được bao nhiêu lít nước.



Hướng dẫn:

Đổi 5 m = 50 dm, 1 m = 10 dm, 2 m = 20 dm

Thể tích hình hộp chữ nhật: $V = (50 - 1) \cdot (10 - 1) \cdot 20 = 49 \cdot 9 \cdot 20 = 8820 \text{ (dm}^3\text{)}$

Vậy bồn chứa được 8820 (lít) nước.

Bài 3: Một hồ cá hình hộp chữ nhật có chiều dài 1m, chiều rộng 30cm và chiều cao 50cm. Người ta đổ nước vào hồ để nuôi cá. Biết thể tích nước chiếm $\frac{2}{3}$ thể tích hồ.

a/ Tính thể tích hồ cá ?

b/ Tính thể tích nước trong hồ?

Hướng dẫn:

a) Đổi 1m = 100 cm

Thể tích bể cá của nhà bạn Dũng là: $100 \cdot 30 \cdot 50 = 150\,000 \text{ (cm}^3\text{)} = 150 \text{ (l)}$

b) Thể tích nước trong hồ: $150 \cdot \frac{2}{3} = 100 \text{ (l)}$

Bài 4: Hồ bơi thi đấu thể thao (dạng hình Hộp Chữ Nhật) có hai loại với loại nhỏ có chiều dài 25 mét và loại lớn có chiều dài 50 mét, quy định chiều rộng tối thiểu của cả 2 loại là phải từ 21 mét đến 25 mét. Các làn đua phải rộng 2,5 mét. Độ sâu tối thiểu là 1 mét. Hồ bơi lớn Phú Thọ tại quận 11, thành phố Hồ Chí Minh được xây dựng theo tiêu chuẩn thi đấu có độ sâu cả hồ là 2 mét, gồm 9 làn bơi, mỗi làn bơi rộng 2,5 mét và có chiều dài 50 mét. Tính chiều rộng và thể tích chứa nước tối đa của hồ bơi lớn

Phú Thọ (biết công thức tính thể tích hình hộp chữ nhật: $V = a.b.h$ với a là chiều dài đáy; b là chiều rộng đáy; h là chiều cao).

Hướng dẫn:

Chiều rộng của hồ bơi lớn Phú Thọ là:

$$9 \cdot 2,5 = 22,5 \text{ (mét)}$$

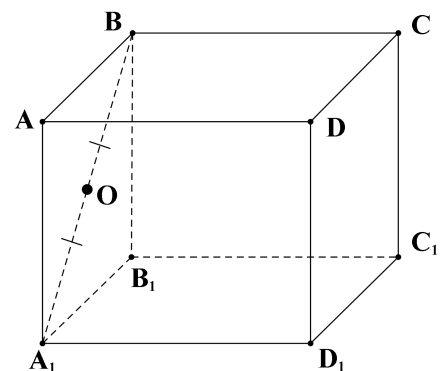
Thể tích chứa nước của hồ bơi lớn Phú Thọ là:

$$22,5 \cdot 50 \cdot 2 = 2250 \text{ (mét khối)}$$

Đáp số: 2250 mét khối.

Bài 5: Bạn An mua một hộp bánh có dạng hình hộp chữ nhật $ABCD.A_1B_1C_1D_1$.

- Nếu O là trung điểm của đoạn A_1B thì O có là trung điểm thuộc AB_1 không? Vì sao?
- Biết $AB = 6\text{cm}$, $AD = 12\text{cm}$, $BO = 5\text{cm}$.
Tính thể tích của hộp bánh ?

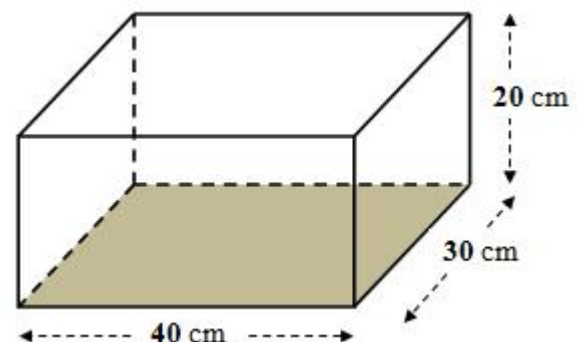


Hướng dẫn:

- Vì $\triangle ABA_1B_1$ là hcn và O là trung điểm của đoạn A_1B nên O có là trung điểm thuộc AB_1
- $A_1B = 2 \cdot BO = 10\text{cm}$
Pytago Trong tg vuông AA_1B có $AA_1 = 8\text{cm}$.
 $V = AB \cdot AD \cdot AA_1 = 6 \cdot 12 \cdot 8 = 576\text{cm}^3$

Bài 6: Một hình hộp chữ nhật có các kích thước như hình vẽ bên.

Để xếp kín hình hộp đã cho bằng những hình hộp chữ nhật có các kích thước chiều dài 8cm, chiều rộng 6cm, chiều cao 4cm thì số hình hộp cần phải có là bao nhiêu?



Hướng dẫn:

Số hình hộp cần phải có là:

$$(40 \cdot 30 \cdot 20) : (8 \cdot 6 \cdot 4) = 125 \text{ (hình hộp)}$$

NỘI DUNG ÔN KIỂM TRA HỌC KỲ II
MÔN NGỮ VĂN 8
Năm học 2021-2022

Phần 1(3 điểm)

- Nhận diện được nội dung, hình thức của văn bản/ đoạn trích
- Hiểu được ý nghĩa của từ ngữ, hình ảnh xuất hiện xuất hiện trong văn bản/ đoạn trích.
- Chỉ ra được các biện pháp tu từ, các kiểu câu, ... Nêu được tác dụng của các biện pháp tu từ, chức năng của các kiểu câu,..
- Hiểu được quan điểm, tư tưởng, thông điệp của tác giả: Thông điệp / bài học,..

Phần 2(7 điểm)

- Đoạn văn 150-200 chữ nêu suy nghĩ cảm nhận về một bài thơ (Tức cảnh Pác Bó, Ngắm trăng)
- Nghị luận xã hội (Tình yêu thương, lòng biết ơn, Tầm quan trọng của việc học)

Nhóm trưởng

Bùi Thị Ngọc Tuyền

TIẾNG ANH 8. TUẦN 12

UNIT 15. COMPUTERS

*NEW WORDS

- have access /'ækses/ (v): truy cập
- computer /kəm'pjʊ:tə(r)/ (n): máy vi tính
- requirement /rɪ'kwaɪəmənt/ (n): sự yêu cầu
- printer /'prɪntə(r)/ (n): máy in
- campus /'kæmpəs/(n): ký túc xá
- turn on (v): bật lên, mở lên
- restrict /rɪ'strɪkt/ (v): giới hạn, hạn chế
- bulletin board /'bʊlətɪn bɔ:d/ (n): bảng tin
- connect /kə'nekt/ (v): nối, kết nối
- technology /tek'nɒlədʒi/ (n): công nghệ
- properly /'prɒpəli/ (adv): hoàn hiện, hoàn chỉnh
- skeptical /'skeptɪkl/ (a): có tư tưởng hoài nghi
- plug /plʌg/ (v): cắm (vào ổ điện)
- method /'meθəd/ (n): phương pháp
- socket /'sɒkɪt/(n): ổ (điện)
- impact /'ɪmpækt/(n): ảnh hưởng
- manual (n): sách hướng dẫn sử dụng
- jack /'mænjuəl/ (n): ổ cắm
- guarantee /,gærən'ti:/ (n): bảo hành
- tray /treɪ/(n): khay
- button /'bʌtn/ (n): nút
- icon /'aɪkɒn/ (n): biểu tượng
- challenging /'tʃælɪndʒɪŋ/ (a): mang tính thách thức
- path /pɑ:θ/ (n): đường, lối đi
- post /pəʊst/ (v): đưa thông tin lên mạng
- monitor /'mɒnɪtə(r)/ (n): bộ phận trung tâm của máy vi tính

- remove /rɪ'mu:v/ (v): di chuyển, loại bỏ
- mouse /maʊs/(n): con chuột (máy tính)
- load /ləʊd/ (v): đặt vào
- screen /skri:n/ (n): màn hình
- depart /dɪ'pɑ:t/ (v): bắt đầu, khởi hành
- adjust /ə'dʒʌst/ (v): điều chỉnh
- degree /dɪ'ɡri:/ (n): bằng cấp
- knob /nɒb/ (n): núm điều chỉnh
- document /'dɒkjumənt/ (n): tài liệu, văn bản
- message /'mesɪdʒ/ (n): thông điệp, lời nhắn
- line /laɪn/ (n): đường (dây)
- install /ɪn'stɔ:l/ (v): cài đặt

I. Choose the word that has the underlined part pronounced differently from the others.

- | | | | |
|-------------------------|---------------------|-----------------------|----------------------|
| 1. a. <u>a</u> ccess | b. <u>a</u> ddress | c. fr <u>e</u> shman | d. d <u>i</u> sagree |
| 2. a. comp <u>u</u> ter | b. pr <u>i</u> nter | c. ent <u>e</u> rtain | d. conc <u>e</u> rn |
| 3. a. kn <u>o</u> b | b. p <u>o</u> st | c. m <u>o</u> onitor | d. p <u>o</u> sitive |
| 4. a. b <u>o</u> ught | b. f <u>o</u> und | c. w <u>i</u> thout | d. <u>o</u> utput |
| 5. a. <u>w</u> ay | b. <u>w</u> ithout | c. <u>w</u> ant | d. <u>w</u> rong |

II. PRONUNCIATION: Choose the word whose main stress is not the same as that of the others.

- | | | | |
|------------------|---------------|----------------|-----------------|
| 1. a. computer | b. guarantee | c. university | d. education |
| 2. a. document | b. technology | c. company | d. monitor |
| 3. a. telephone | b. library | c. equipment | d. campuses |
| 4. a. available | b. delicious | c. amusing | d. entertaining |
| 5. a. concern | b. access | c. impact | d. skeptical |
| 6. a. campus | b. access | c. bulletin | d. install |
| 7. a. printer | b. restrict | c. freshman | d. socket |
| 8. a. degree | b. campus | c. message | d. freshman |
| 9. a. technology | b. university | c. unnecessary | d. requirement |
| 10. a. disagree | b. skeptical | c. telephone | d. document |

III. MULTIPLE CHOICE

1. Please turn _____ the computer when you've finished your report.
- | | | | |
|-------|--------|-------|---------|
| a. on | b. off | c. in | d. over |
|-------|--------|-------|---------|

2. The printer is _____ guarantee so the company will repair it.
a. on b. in c. of d. under
3. Sue had her bike _____ by her father.
a. fix b. fixing c. to fix d. fixed
4. When he realized I _____ at him, he _____ away.
a. looked/ was turning c. was looking/ turned
b. was looking/ was turning d. looked/ turned
5. _____ a computer when you were living in the country?
a. Have you had b. Do you have c. Did you have d. Were you having
6. "Would you like to go to the band concert?" – "Thanks, but I _____"
a. saw it yet c. have seen it already
b. have seen it yet d. already saw it
7. Do you think chatting on the Internet is _____?
a. time-consuming b. consuming-time c. time- consumed d. consumed-time
8. Nowadays, first - year students _____ to have access to a computer.
a. are requiring b. are required c. have required d. will be required
9. "I don't think technology will replace school." – " _____"
a. So do I b. I do, too c. Neither do I d. I do either
10. Technology now means students can get a degree without _____.
a. to be on campus c. being in campus
b. to be in a campus d. being on campus
11. A _____ is a machine for printing text onto paper.
a. computer b. a fax machine c. a mobile phone d. printer
12. Some _____ can work 50,000 times faster than a man.
a. companies b. computers c. libraries d. machines
13. Many students are sitting and reading books and magazines in the _____.
a. bed b. library c. bulletin board d. computer
14. They post messages on the _____ and find other people who want to talk about the same topic.
a. blackboard b. wall c. paper d. bulletin board
15. If your computer doesn't work, you should check if the plug has come _____ the socket.
a. from b. out of c. into d. over
16. _____ is the grounds and buildings of a university or college.
a. Campus b. Highlands c. Valley d. Bay
17. I checked the phone cord and made sure it was _____ correctly.
a. plug in b. plugged in c. plugged on d. plug on
18. Please _____ the TV before you go to bed.
a. plug b. unplug c. turn out d. come out of
19. Freshmen in many universities are required to have access to a computer.
a. First- year students c. Final -year students
b. New comers d. The cleverest students
20. My computer _____ for 5 days.
a. hasn't worked b. haven't worked c. didn't work d. don't work
21. Users can send _____ and receive information through telephone lines.
a. passages b. messages c. things d. texts
22. Don't forget to _____ all the lights when you go to bed.
a. turn off b. find out c. point out d. plug in

VẬT LÝ 8 - TUẦN 12

Bài 24 : CÔNG THỨC TÍNH NHIỆT LƯỢNG

I. NHIỆT LƯỢNG MỘT VẬT THU VÀO ĐỂ NÓNG LÊN PHỤ THUỘC NHỮNG YẾU TỐ NÀO ?

SGK

1. Quan hệ giữa ***nhiệt lượng vật cần thu vào để nóng lên*** và ***khối lượng của vật***

Bảng 24.1

	Chất	Khối Lượng	Độ tăng nhiệt độ	Thời gian đun	So sánh khối lượng	So sánh nhiệt lượng
Cốc 1	Nước	50g	$\Delta t^0_1 = 20^0C$	$t_1 = 5 \text{ phút}$	$m_1 = m_2$	$Q_1 = Q_2$
Cốc 2	Nước	100g	$\Delta t^0_2 = 20^0C$	$t_2 = 10 \text{ phút}$		

C1 : Độ tăng nhiệt độ và chất làm vật giống nhau, khối lượng khác nhau

C2 : Khối lượng càng lớn thì nhiệt lượng vật thu vào càng lớn.

2. Quan hệ giữa ***nhiệt lượng vật cần thu vào để nóng lên*** và ***độ tăng nhiệt độ***

Bảng 24.2

	Chất	Khối Lượng	Độ tăng nhiệt độ	Thời gian đun	So sánh độ tăng nhiệt độ	So sánh nhiệt lượng
Cốc 1	Nước	50g	$\Delta t^0_1 = 20^0C$	$t_1 = 5 \text{ phút}$	$\Delta t^0_1 = \Delta t^0_2$	$Q_1 = Q_2$
Cốc 2	Nước	50g	$\Delta t^0_2 = 40^0C$	$t_2 = 10 \text{ phút}$		

C3 : Khối lượng và chất làm vật giống nhau, độ tăng nhiệt độ khác nhau

C4 : Muốn độ tăng nhiệt độ khác nhau thì thời gian đun phải khác nhau

C5 : Độ tăng nhiệt độ càng lớn thì nhiệt lượng vật thu vào càng lớn

3. Quan hệ giữa ***nhiệt lượng vật cần thu vào để nóng lên*** với ***chất làm vật***

Bảng 24.3

	Chất	Khối Lượng	Độ tăng nhiệt độ	Thời gian đun	So sánh nhiệt lượng
Cốc 1	Nước	50g	$\Delta t^0_1 = 20^0C$	$t_1 = 5 \text{ phút}$	$Q_1 \quad Q_2$
Cốc 2	Băng phiến	50g	$\Delta t^0_2 = 20^0C$	$t_2 = 4 \text{ phút}$	

C6 : Khối lượng và độ tăng nhiệt độ giống nhau, chất làm vật khác nhau

C7 : Có.

II. CÔNG THỨC TÍNH NHIỆT LƯỢNG

Công thức	Ý nghĩa từng đại lượng	Đơn vị tính bằng
$Q = m \cdot c \cdot \Delta t$	Q là nhiệt lượng vật thu vào	J
	m là khối lượng của vật	kg
	c là nhiệt dung riêng của chất làm vật	J/kg.K
	$\Delta t = t_2 - t_1$ là độ tăng nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$ hay $^{\circ}\text{K}$

III. VẬN DỤNG (Học sinh tự học)

C8 :

C9 :

Tóm tắt

$m = 5 \text{ kg}$

Nhiệt lượng cần truyền cho đồng

$t_1 = 20^{\circ}\text{C}$

$$Q = m \cdot c \cdot \Delta t = m \cdot c \cdot (t_2 - t_1)$$

$t_2 = 50^{\circ}\text{C}$

$$= 5 \cdot 380 \cdot (50 - 20)$$

$c = 380 \text{ J/kg.K}$

$$Q = 57000 \text{ (J)} = 57 \text{ (kJ)}$$

C10 :

Kiến thức cần nhớ

- ❖ Nhiệt lượng vật cần thu vào để nóng lên phụ thuộc khối lượng, độ tăng nhiệt độ của vật và nhiệt dung riêng của chất làm vật.
- ❖ Công thức tính nhiệt lượng vật thu vào : $Q = m \cdot c \cdot \Delta t$.
- ❖ Nhiệt dung riêng của một chất cho biết nhiệt lượng cần thiết để làm 1 kg chất đó tăng thêm 1°C .

Câu hỏi kiểm tra

1. Nhiệt lượng vật cần thu vào để nóng lên phụ thuộc vào những yếu tố nào ?
2. Nêu công thức tính nhiệt lượng vật thu vào, ý nghĩa và đơn vị các đại lượng trong công thức.
3. Nhiệt dung riêng của một chất cho biết điều gì ?

Bài tập

24.1 Nhiệt dung riêng của nước là 4200 J/kg.K , hãy nêu ý nghĩa của số này.

24.2



Có bốn bình A, B, C và D đều đựng nước ở cùng một nhiệt độ. Sau khi dùng các đèn cồn giống hệt nhau để đun các bình này trong 5 phút người ta thấy nhiệt độ của nước trong các bình trở nên khác nhau

a) Hỏi nhiệt độ ở bình nào cao nhất ?

b) Yếu tố nào làm cho nhiệt độ của nước trong các bình trở nên khác nhau ?

24.3 Để đun nóng 5 lít nước từ 20°C lên 40°C , cần bao nhiêu nhiệt lượng ? Biết nhiệt dung riêng của nước là 4200 J/kg.K

24.4 Người ta cung cấp cho 10 lít nước một nhiệt lượng là 840 kJ . Hỏi nước nóng thêm bao nhiêu độ ? Biết nhiệt dung riêng của nước là 4200 J/kg.K

24.5 Một ấm nhôm có khối lượng 400g chứa 1 lít nước. Tính nhiệt lượng tối thiểu cần thiết để đun sôi nước, biết nhiệt độ ban đầu của ấm và nước là 20°C . Cho $c_{\text{nhôm}} = 880 \text{ J/kg.K}$ và $c_{\text{nước}} = 4200 \text{ J/kg.K}$

24.6 Người ta phơi ra nắng một chậu chứa 5 lít nước. Sau một thời gian nhiệt độ của nước tăng từ 28°C lên 34°C . Hỏi nước đã thu được bao nhiêu năng lượng từ mặt trời.

HÓA 8 - TUẦN 12

NỒNG ĐỘ DUNG DỊCH

1. Nồng độ phần trăm của dung dịch

Nồng độ phần trăm (kí hiệu $C\%$) của một dung dịch cho ta biết số gam chất tan trong 100g dung dịch

Công thức tính: $C\% = \frac{m_{ct}}{m_{dd}} \times 100\%$

Trong đó: m_{ct} là khối lượng chất tan, tính bằng gam

m_{dd} là khối lượng dung dịch, tính bằng gam

Khối lượng dung dịch = khối lượng chất tan + khối lượng dung môi ($m_{dd} = m_{ct} + m_{dm}$)

VD₁: Hòa tan 15 gam NaCl vào 45 gam nước. Tính nồng độ phần trăm của dung dịch.

Giải:

Khối lượng của dung dịch NaCl:

$$m_{dd} = m_{ct} + m_{dm} = 15 + 45 = 60 \text{ (g)}$$

Nồng độ phần trăm của dung dịch NaCl:

$$C\% = \frac{m_{ct}}{m_{dd}} \times 100\% = \frac{15}{60} \times 100\% = 25\%$$

2. Nồng độ mol dung dịch

Nồng độ mol (kí hiệu C_M) của dung dịch cho biết số mol chất tan trong 1 lit dung dịch

Công thức tính: $C_M = \frac{n}{V} \text{ (mol/l)}$

Trong đó: n : số mol chất tan

V : thể tích dung dịch (lít)

VD₂: Trong 200ml dung dịch có hòa tan 16g CuSO₄. Tính nồng độ mol của dung dịch.

Giải:

Số mol CuSO_4 trong dung dịch:

$$n_{\text{CuSO}_4} = \frac{m}{M} = \frac{16}{160} = 0,1 \text{ (mol)}$$

Nồng độ mol của dung dịch CuSO_4 :

$$C_M = \frac{n}{V} = \frac{0,1}{0,2} = 0,5\text{M}$$

BÀI TẬP: 1, 2, 3, 4, 5, 6 SGK trang 145 – 146

SINH 8-TUẦN 12

CHƯƠNG IX: THẦN KINH VÀ GIÁC QUAN

BÀI 55: GIỚI THIỆU CHUNG TUYẾN NỘI TIẾT

I. Đặc điểm hệ nội tiết:

- Hệ nội tiết góp phần điều hoà các quá trình sinh lí của cơ thể
- Tuyến nội tiết sản xuất các hoocmôn theo đường máu đến các cơ quan đích.

II. Phân biệt tuyến nội tiết với tuyến ngoại tiết:

- Tuyến ngoại tiết: Chất tiết tập trung vào ống dẫn để đổ ra ngoài (tuyến tiêu hóa, tuyến lệ, ...)
- Tuyến nội tiết: Chất tiết ngấm thẳng vào máu tới cơ quan đích.
- Một số tuyến vừa làm nhiệm vụ nội tiết vừa làm nhiệm vụ ngoại tiết.

Ví dụ: Tuyến tụy.

- Sản phẩm tiết của tuyến nội tiết là hooc môn.

III. Hooc môn:

1. Tính chất của hooc môn.

- Mỗi hooc môn chỉ ảnh hưởng đến 1 hoặc 1 số cơ quan xác định (tính đặc hiệu)
- Hooc môn có hoạt tính sinh học rất cao.
- Hooc môn không mang tính đặc trưng cho loài.

2. Vai trò của hooc môn:

- Duy trì tính ổn định môi trường bên trong cơ thể.
- Điều hoà các quá trình sinh lí diễn ra bình thường.

BÀI 56: TUYẾN YÊN - TUYẾN GIÁP

I. Tuyến yên:

- Vị trí: nằm ở nền sọ, có liên quan đến vùng dưới đồi.
- Cấu tạo: gồm 3 thùy:
 - + Thùy trước.
 - + Thùy giữa.

+ Thuỳ sau.

- Hoạt động của tuyến: chịu sự điều khiển trực tiếp hoặc gián tiếp của hệ thần kinh.

- Vai trò:

+ Tiết hoocmôn kích thích hoạt động của nhiều tuyến nội tiết khác.

+ Tiết hoocmôn ảnh hưởng tới một số quá trình sinh lí trong cơ thể

II. Tuyến giáp:

- Vị trí: nằm trước sụn giáp của thanh quản nặng 20 - 25g.

- Hoocmôn là Tiroxin, có vai trò quan trọng trong trao đổi chất và chuyển hoá ở tế bào.

- Tuyến giáp cùng tuyến cận giáp có vai trò trong điều hoà trao đổi canxi và phot pho trong máu.

LỊCH SỬ 8- TUẦN 12

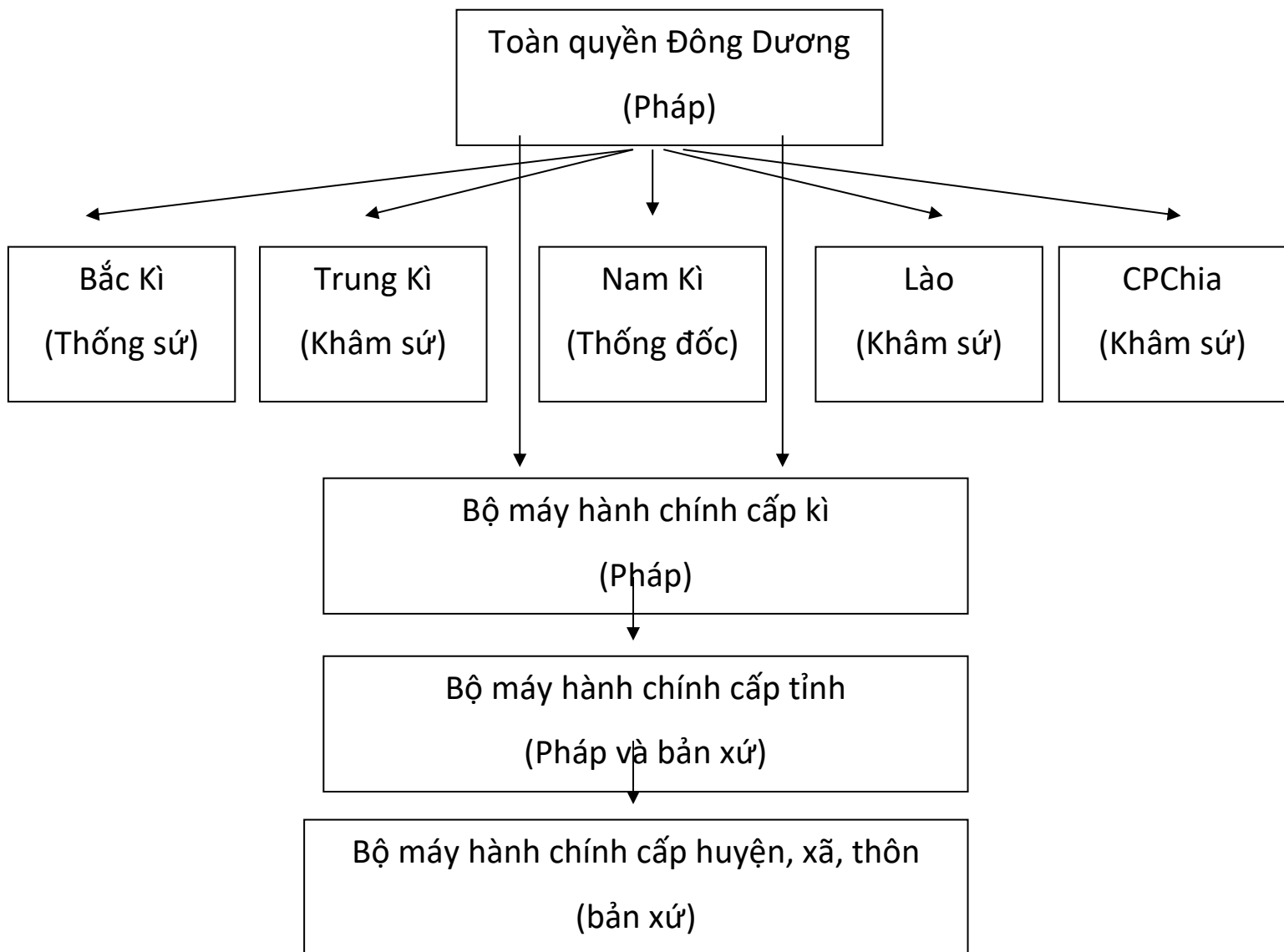
Chủ đề: NHỮNG CHUYỂN BIẾN

VỀ KINH TẾ XÃ HỘI Ở VIỆT NAM VÀ PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CHỐNG PHÁP TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN NĂM 1918

(3 tiết)

1. CHÍNH SÁCH KHAI THÁC THUỘC ĐỊA CỦA THỰC DÂN PHÁP

a. TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC



=> **Nhận xét:** chặt chẽ, với tay xuống tận vùng nông thôn, kết hợp giữa nhà nước thực dân và quan lại phong kiến

b. chính sách bóc lột

- Vơ vét sức người, sức của phục vụ cho chiến tranh.
- Tăng cường bắt lính.
- Nông nghiệp phục vụ chiến tranh.
- Mua công trái.
- Đời sống nhân dân cực khổ.

2. NHỮNG CHUYỂN BIẾN KINH TẾ XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

a. Kinh tế:

	Những chuyển biến
Kinh tế	+ Nông nghiệp: cướp đoạt ruộng đất phát canh thu tô, lập các đồn điền + Công nghiệp: tập trung khai thác than và kim loại, đầu tư vào một số ngành như xi măng, điện, chế biến gỗ... + Giao thông vận tải: tăng cường xây dựng đường bộ, đường sắt, đường thủy + Thương nghiệp, tài chính: độc chiếm thị trường Việt Nam, đánh thuế nặng vào muối, rượu, thuốc phiện. => Mục đích là vơ vét sức người và sức của.
Văn hoá, giáo dục	+ Duy trì chế độ giáo dục phong kiến. + Về sau mở 1 số trường học và cơ sở y tế, văn hoá. + Nhằm đàn áp, vơ vét sức người, sức của của nhân thuộc địa + Chính sách nô dịch, ngu dân

b. Xã hội

Giai cấp,tầng lớp	Nghề nghiệp	Thái độ đối với độc lập dân tộc
Giai cấp địa chủ	Kinh doanh ruộng đất,bóc lột địa tô	Mất hết ý thức dân tộc, làm tay sai cho đế

		quốc
Giai cấp nông dân	Làm ruộng	Căm thù đế quốc, phong kiến, sẵn sàng đấu tranh
Giai cấp công nhân	Bán sức lao động làm thuê	Kiên quyết chống đế quốc giành độc lập dân tộc
Tầng lớp tư sản	Kinh doanh công thương nghiệp	Thỏa hiệp với đế quốc, chỉ một bộ phận có ý thức dân tộc
Tầng lớp tiểu tư sản	Làm công ăn lương, buôn bán nhỏ	Bấp bênh, một bộ phận có tinh thần yêu nước chống đế quốc

3. HOẠT ĐỘNG YÊU NƯỚC CHỐNG PHÁP TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN NĂM 1918

a. Xu hướng mới trong cuộc vận động giải phóng dân tộc:

- + Chính sách khai thác thuộc địa làm cho kinh tế, xã hội biến đổi.
- + Tầng lớp tư sản dân tộc ra đời.
- + Các nhà yêu nước muốn noi gương Nhật.

b. Phong trào yêu nước đầu TK XX

Phong trào	Mục đích	Hình thức và nội dung hoạt động
Phong trào Đông Du (1905 – 1909).	Đào tạo nhân tài cho đất nước, chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang	Đưa học sinh sang Nhật du học. Viết sách báo tuyên truyền yêu nước
Đông Kinh nghĩa thực (1907).	Nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài	Tập trung diễn thuyết, bình văn, sách báo,...
Cuộc vận động Duy tân và phong trào chống thuế	Nâng cao dân trí, bồi dưỡng đấu tranh	Diễn thuyết đề tài sinh hoạt xã hội, tình hình thế giới, khuyến

ở Trung kì (1908)		khích kinh doanh công thương nghiệp
-------------------	--	-------------------------------------

Tên	Nguyên nhân	Diễn biến	Kết quả
Vụ mưu khởi nghĩa ở Huế (1916)	Pháp bắt lính đưa sang châu Âu.	Dự kiến rạng sáng 4/5/1916 khởi nghĩa.	- Kế hoạch bị bại lộ. - Lãnh đạo bị xử tử, vua Duy Tân đi đày sang châu Phi.
Khởi nghĩa của binh lính và tù chính trị ở Thái Nguyên (1917)	Bất bình của binh lính người Việt trong quân đội Pháp	Nghĩa quân chiếm trại lính, phá nhà lao, thả tù chính trị,...	Khởi nghĩa kéo dài 5 tháng thì bị đàn áp.

c. Những hoạt động của Nguyễn Tất Thành sau khi ra đi tìm đường cứu nước

- Do các phong trào chống Pháp đều thất bại.
- 5/6/1911 từ bến nhà Rồng, Bác ra đi tìm đường cứu nước.
- Năm 1917 Bác tham gia hội những người yêu nước Việt Nam ở Pari.
- Tham gia phong trào công nhân Pháp và tiếp nhận ảnh hưởng của cách mạng tháng mười Nga.
- Vì sao Nguyễn Tất Thành lại ra đi tìm đường cứu nước mới?
- + Người sinh ra và lớn lên trong cảnh đất nước bị thực dân Pháp xâm lược.
- + Nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra và các phong trào đều bế tắc về đường lối nên bị thất bại.
- + Nên người quyết đi ra tìm con đường cứu nước mới đúng đắn cho dân tộc thoát khỏi sự lệ thuộc vào thực dân và phong kiến.

Hết.

Địa 8: Bài 37. Đặc điểm sinh vật Việt Nam

1. Đặc điểm chung.

- Sinh vật rất phong phú và đa dạng.
- + Đa dạng về thành phần loài và gen.
- + Đa dạng về kiểu hệ sinh thái.
- + Đa dạng về công dụng và sản phẩm.

2. Sự giàu có về thành phần loài sinh vật.

– Nước ta có gần 30.000 loài sinh vật, sinh vật bản địa chiếm khoảng 50%

- + Thực vật: 14.600 loài.
- + Động vật: 11.200 loài.
- Số loài quý hiếm.
- + Thực vật: 350 loài
- + Động vật: 365 loài

3. Sự đa dạng về hệ sinh thái.

Các hệ sinh thái tiêu biểu.

- Hệ sinh thái ngập nước, đặc biệt là rừng ngập mặn; phân bố ở vùng đất bãi triều cửa sông ven biển nước ta.

- Vùng đồi núi là nơi phát sinh các hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa gồm rừng kín thường xanh, rừng thưa rụng lá, rừng tre nứa, rừng ôn đới núi cao.

- Các hệ sinh thái nông nghiệp ngày càng mở rộng và lấn át các hệ sinh thái tự nhiên.

Bài 38: Bảo vệ tài nguyên sinh vật Việt Nam

1. Giá trị tài nguyên sinh vật

- Tài nguyên thực vật của nước ta có giá trị nhiều mặt: cung cấp gỗ; cây cho tinh dầu, nhựa; thực phẩm; cây dược phẩm; sản xuất tiêu thủ công nghiệp; cho cảnh và hoa;...

Giá trị của các loài động vật cũng vô cùng to lớn: Làm thức ăn. làm thuốc, làm đẹp cho con người,

2. Bảo vệ tài nguyên rừng

- Rừng nguyên sinh vật ở Việt Nam hiện nay còn rất ít, suy giảm về thành phần loài và số lượng loài. Tỷ lệ rừng che phủ hiện còn rất thấp khoảng 35-38%.

Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách và luật để bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng.

3. Bảo vệ tài nguyên động vật

- Hiện nay rất nhiều loài động vật đã bị hủy diệt, nhiều loài có nguy cơ tuyệt chủng ở cả trên đất liền và trên biển.

TUẦN 12 (18/4/22 – 23/4/22)

BÀI 19: QUYỀN TỰ DO NGÔN LUẬN

I. Đặt vấn đề

Gợi ý trả lời câu hỏi:

a) Em hiểu thế nào là quyền tự do ngôn luận?

Quyền tự do ngôn luận là quyền được tham gia bàn bạc, đóng góp ý kiến vào những vấn đề chung của đất nước, của xã hội.

b) Công dân thực hiện quyền tự do ngôn luận của mình bằng cách nào?

Trong các cuộc họp ở cơ sở (tổ dân cư, phường, xóm, lớp học...)

Trên các phương tiện truyền thông đại chúng

Kiến nghị với đại biểu quốc hội, đại biểu hội đồng nhân dân trong các dịp tiếp xúc cử tri...

II. Nội dung bài học

1. Khái niệm:

- Quyền tự do ngôn luận là quyền của công dân được tham gia bàn bạc, thảo luận, đóng góp ý kiến vào những vấn đề chung của đất nước, xã hội.

2. Quy định pháp luật về quyền tự do ngôn luận.

- Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, có quyền được thông tin theo quy định của pháp luật.

- Công dân sử dụng quyền tự do ngôn luận trong các buổi họp ở cơ sở, trên các phương tiện thông tin đại chúng, kiến nghị với đại biểu quốc hội, hội đồng nhân dân trong dịp tiếp xúc cử tri...

- Sử dụng quyền ngôn luận đúng pháp luật để phát huy tính tích cực và quyền làm chủ của công dân, góp phần xây dựng nhà nước, quản lý xã hội.

**Trách nhiệm nhà nước:*

Tạo điều kiện thuận lợi để công dân và báo chí phát huy đúng vai trò của mình.

III. Bài tập

Câu 1: Trường hợp nào sau đây vi phạm quyền tự do ngôn luận?

- A. Ông K đưa ra ý kiến đóng góp trước Hội đồng nhân dân xã
- B. Q đề xuất với cô giáo về việc sửa đổi một số hình thức xử phạt trong lớp học
- C. Chị M tổ chức họp gia đình để nghe ý kiến của các thành viên trong gia đình
- D. Chị N vu khống anh R là đồng nghiệp lấy cắp điện thoại của mình khi không có căn cứ

Câu 2: Những nội dung nào sau đây thuộc quyền tự do ngôn luận và đã được pháp luật thừa nhận?

- a. Công dân có quyền được cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật.
- b. Tự do báo chí.
- c. Tự do hội họp.
- d. Có quyền phát biểu, nêu ý kiến, quan điểm cá nhân trong các cuộc họp.
- e. Phát biểu, đóng góp ý kiến, trình bày quan điểm trên các phương tiện thông tin đại chúng.
- g. Tiết lộ bí mật của Nhà nước cho các nhà báo.
- h. Kiến nghị với đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.
- i. Góp ý vào các dự thảo cương lĩnh, chiến lược, dự thảo.

- A. a, b, c, d, e, g.
- B. b, c, d, e, g, h.
- C. a, c, e, g, h, i.
- D. a, b, d, e, h, i.

Câu 3: Quyền tự do ngôn luận được quy định chủ yếu trong:

- A. Hiến pháp và Bộ luật Hình sự.
- B. Hiến pháp và Luật Truyền thông.
- C. Hiến pháp và Bộ luật Dân sự.
- D. Hiến pháp và Luật Báo chí.

Câu 4: Nhà nước không nghiêm cấm những hành vi nào sau đây liên quan đến quyền tự do ngôn luận của công dân?

- A. Tung tin sai sự thật làm tổn hại lợi ích quốc gia.
- B. Truyền truyền đến mọi người cùng chung tay bảo vệ môi trường.
- C. Tuyên truyền lệch lạc chính sách của Đảng và nhà nước.
- D. Nói sai sự thật nhằm bôi nhọ đến nhân phẩm của người khác.

Câu 5: Quyền tự do ngôn luận có quan hệ chặt chẽ và thường thể hiện thông qua quyền

- A. Tự do hội họp.
- B. Tự do biểu tình.
- C. Tự do lập hội.
- D. Tự do báo chí.

Câu 6: Nhà nước không nghiêm cấm những hành vi nào sau đây liên quan đến quyền tự do ngôn luận của công dân?

- A. Tung tin sai sự thật làm tổn hại lợi ích quốc gia.
- B. Truyền truyền đến mọi người cùng chung tay bảo vệ môi trường.
- C. Tuyên truyền lệch lạc chính sách của Đảng và nhà nước.
- D. Nói sai sự thật nhằm bôi nhọ đến nhân phẩm của người khác.

Câu 7: Quyền tự do báo chí của công dân được thể hiện như thế nào ?

- A. Cung cấp thông tin cho báo chí.
- B. Phản hồi thông tin trên báo chí.
- C. Tiếp cận thông tin báo chí.
- D. Tất cả đều đúng

Câu 8: Những việc làm nào sau đây cần bị phê phán?

- a. Tuyên truyền để phòng, chống tệ nạn xã hội.
- b. Thông tin sai sự thật để bôi nhọ người khác.
- c. Tuyên truyền chống Đảng, chống chế độ.
- d. Nói xấu lãnh tụ.
- e. Thông tin sai sự thật để trục lợi.

- g. Tuyên truyền nhằm chia rẽ, gây mâu thuẫn giữa các tôn giáo.
- h. Tuyên truyền, vận động để nhân dân không tin vào mê tín dị đoan.
- i. Tuyên truyền nhằm chia rẽ, gây mâu thuẫn giữa các dân tộc.

- A. a, c, d, g, h, i.
- B. a, b, c, d, g, h.
- C. b, c, d, e, g, i.
- D. b, d, e, g, h, i.

Câu 9: Hành vi nào sau đây không phải tự do ngôn luận?

- A. Viết bài cho báo Hoa học trò.
- B. Viết thư cho hòm thư góp ý.
- C. Viết thư ra nước ngoài.
- D. Nói leo trong lớp.

Câu 10: Người bao nhiêu tuổi vi phạm quyền tự do ngôn luận phải chịu trách nhiệm hình sự?

- A. Từ đủ 16 tuổi.
- B. Từ đủ 13 tuổi.
- C. Từ đủ 18 tuổi.
- D. Từ đủ 14 tuổi.

IV. Dặn dò

- Chuẩn bị ôn tập thi cuối HKII

NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KÌ II

MÔN CÔNG NGHỆ 8

Câu 1: Em hãy cho biết sơ đồ điện là gì? Gồm có những sơ đồ nào?

Sơ đồ điện là hình biểu diễn quy ước của mạch điện và hệ thống điện.

Gồm có

Sơ đồ nguyên lý. Sơ đồ lắp đặt

Sơ đồ nguyên lý : là loại sơ đồ chỉ nói lên mối liên hệ điện mà không thể hiện vị trí sắp xếp, cách lắp ráp của các phần tử của mạch điện

Sơ đồ lắp đặt : là loại sơ đồ để dự trù vật liệu, biểu thị vị trí lắp đặt, cách lắp ráp giữa các phần tử của mạch điện

Câu 2: Em vẽ kí hiệu của dây pha, dây trung hòa, cầu chì, công tắc, ổ cắm, đèn sợi đốt.

dây pha

dây trung hòa

cầu chì

công tắc

ổ cắm

đèn sợi đốt

Câu 3: Nêu cách tiết kiệm điện năng, lợi ích khi tiết kiệm điện năng?

1. Giảm bớt tiêu thụ điện trong giờ cao điểm

Ví dụ minh họa:

2. Sử dụng đồ dùng điện tiết kiệm điện

Ví dụ minh họa:

3. Không lãng phí điện năng

Ví dụ minh họa:

Nếu chúng ta tiết kiệm điện năng thì có lợi cho gia đình là không phải trả nhiều tiền điện, không làm giảm tuổi thọ thiết bị điện. Xã hội không cần tìm nguồn điện để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ điện của mọi người, và môi trường giảm thiểu khí thải CO do các máy phát điện sử dụng nhiên liệu.

Câu 4: Chúng ta giảm bớt tiêu thụ điện năng trong giờ cao điểm thì có lợi như thế nào?

Nếu chúng ta giảm bớt tiêu thụ điện năng trong giờ cao điểm thì có lợi như cho gia đình là không phải trả nhiều tiền điện, không làm giảm tuổi thọ thiết bị điện do điện áp sụt. Xã hội không cần tìm nguồn điện để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ điện của mọi người, và môi trường giảm thiểu khí thải CO do các máy phát điện sử dụng nhiên liệu.

Câu 5a: Em lập bảng tính điện năng tiêu thụ của phòng em trong 1 tháng và số tiền phải trả là bao nhiêu? Biết công suất tiêu thụ của đèn huỳnh quang là 36W, quạt trần là 65W, quạt treo tường là 55W, 1Kwh là 2000đ.

Áp dụng công thức : **A = P x t x n**

A : điện năng tiêu thụ (Wh)

P : Công suất điện (W)

t : Thời gian làm việc (h)

n : số lượng thiết bị

Các em đổi sang đơn vị đo điện năng là Kwh nên em chia cho 1000

STT	Thiết bị điện	Công suất	Thời gian	Số lượng	Tiêu thụ
1	Đèn HQ	W	h	.	Wh
2	Quạt trần	W	h		Wh
3	Quạt treo	W	h		Wh
Tổng cộng					Wh

Vậy điện năng tiêu thụ trong 1 ngày là/1000 = Kwh

điện năng tiêu thụ trong 1 tháng (30 ngày) là: x 30 ngày =Kwh.

Tiền điện phải trả của phòng học là: đồng

Câu 5b: Em lập bảng tính điện năng tiêu thụ của gia đình em trong 1 tháng và số tiền phải trả là bao nhiêu? Ví dụ như bảng sau, biết Kwh là 2000đ.

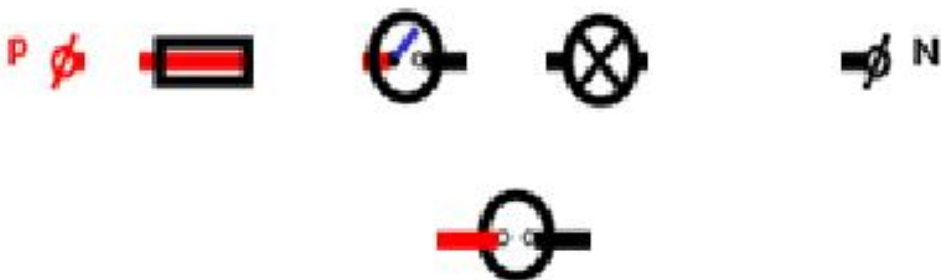
STT	Thiết bị điện	Công suất	Thời gian	Số lượng	Tiêu thụ
1	Đèn HQ	36W	10h	5	Wh
2	Quạt trần	65W	8h	3	Wh
3	Quạt treo	55W	12h	2	Wh
4	Nồi cơm điện	1000W	1h	1	Wh
5	Tủ lạnh	100W	24h	1	Wh
Tổng cộng					Wh

Vậy điện năng tiêu thụ trong 1 ngày là/1000 = Kwh

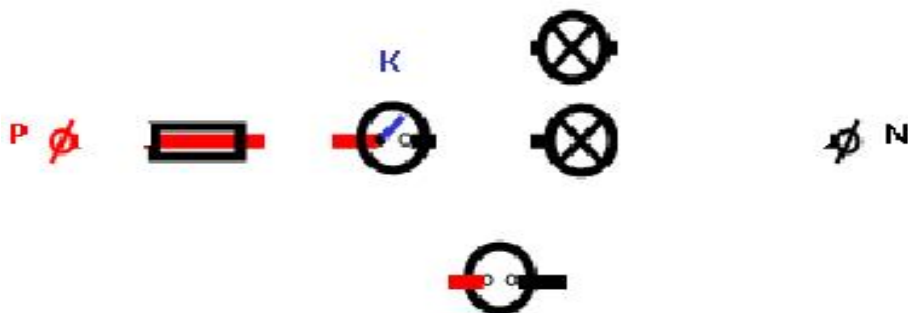
điện năng tiêu thụ trong 1 tháng là:x 30 ngày = Kwh.

Tiền điện phải trả của phòng học là: đồng

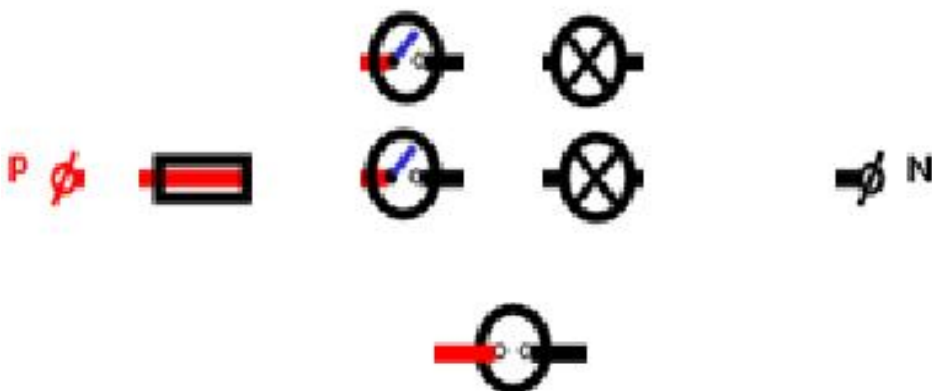
Câu 6a: Em vẽ sơ đồ nguyên lý mạch điện có 1 cầu chì, 1 công tắc điều khiển 1 đèn, 1 ổ cắm.



Câu 6b: Em vẽ sơ đồ nguyên lý mạch điện có 1 cầu chì, 1 công tắc điều khiển 2 đèn mắc song song, 1 ổ cắm.



Câu 6c: Em vẽ sơ đồ nguyên lý mạch điện có 1 cầu chì, 2 công tắc mỗi công tắc điều khiển 1 đèn, 1 ổ cắm.



Câu 7: Cấu tạo và đặc điểm của mạng điện trong nhà:

Cấu tạo của mạng điện trong nhà :

Gồm :

- Mạch chính đi từ công tơ đến các phòng, đặt song song sát trần nhà
- Mạch nhánh rẽ từ mạch chính đặt song song với nhau để điều khiển độc lập, có chức năng phân phối tới đồ dùng điện

Gồm các phần tử:

- Công tơ điện
- Dây dẫn điện
- Thiết bị đóng cắt, bảo vệ và lấy điện
- Đồ dùng điện

Đặc Điểm Của Mạng Điện Trong Nhà

- 1/ Điện áp của mạng điện trong nhà : 220V
- 2/ Đồ dùng điện của mạng điện trong nhà: rất đa dạng, công suất tiêu thụ điện khác nhau
- 3/ Sự phù hợp điện áp giữa các thiết bị, đồ dùng với điện áp của mạng điện

Yêu cầu của mạng điện trong nhà :

- Đảm bảo cung cấp đủ điện cho các đồ dùng điện.
- Phải đảm bảo an toàn cho người sử dụng và cho ngôi nhà.
- Dễ kiểm tra và sửa chữa.
- Sử dụng thuận tiện, chắc, đẹp.

Câu 8: CẦU CHÌ :- Là thiết bị dùng để bảo vệ mạch điện khi xảy ra sự cố ngắn mạch hoặc quá tải

1/ Cấu tạo, phân loại:

- Gồm vỏ, các cực giữ dây chảy và dây dẫn điện, dây chảy (làm bằng kim loại chì).
- Dựa theo hình dạng để phân loại : cầu chì hộp, cầu chì ống, cầu chì nút...

2/ NL làm việc:

- Khi dòng điện vượt quá giới hạn cho phép (khi ngắn mạch hay quá tải) dây chảy bị nóng chảy và đứt làm mạch điện bị hở.
- Tại sao nói dây chảy là bộ phận quan trọng của cầu chì ? Bảo vệ được mạch điện và các đồ dùng điện.
- Tại sao khi dây chảy bị đứt, ta không được phép thay dây chảy mới bằng dây đồng có cùng đường kính? Vì dây đồng có nhiệt độ nóng chảy cao hơn dây chì
- Cầu chì thường được lắp đặt ở đâu trong mạch điện? Lắp trên dây pha trước các đồ dùng điện để bảo vệ các đồ dùng điện không bị hư.

Câu 9: APTOMAT:

- Ngày nay aptomat có chức năng được dùng thay cho cầu dao và cầu chì.
- Là thiết bị tự động cắt mạch điện khi bị ngắn mạch hay quá tải.
- Aptomat được lắp đặt dưới đồng hồ điện, hoặc dùng để đóng ngắt các phụ tải có công suất lớn như: máy nước nóng, máy lạnh vv...

Câu 10: Bàn là điện :

1.Cấu tạo :có 2 bộ phận

a/ Dây đốt nóng:

- Làm bằng HK niken crôm, chịu được nhiệt độ cao.
- Đặt trong các rãnh của đế và cách điện với vỏ.

b/ Vỏ bàn là:

- Đế bằng gang hoặc HK nhôm, đánh bóng hoặc mạ crom.
- Nắp bằng đồng hoặc thép mạ crom, nhựa chịu nhiệt.

2. Nguyên lý làm việc :

Khi đóng điện dòng điện chạy qua dây đốt nóng tỏa nhiệt, nhiệt tích vào đế của bàn là làm nóng bàn là.

3. Số liệu kĩ thuật

Điện áp định mức: 220V

Công suất định mức: từ 300W đến 1000W

4. Khi sử dụng cần chú ý:

- Sử dụng đúng điện áp định mức, công suất định mức.
- Điều chỉnh nhiệt độ cho phù hợp
- Giữ gìn mặt đế bàn là sạch và nhẵn, tránh để lâu trên vải.
- Đảm bảo an toàn về điện và nhiệt

Mĩ thuật 8 tuần 12 hk2
Vẽ tranh

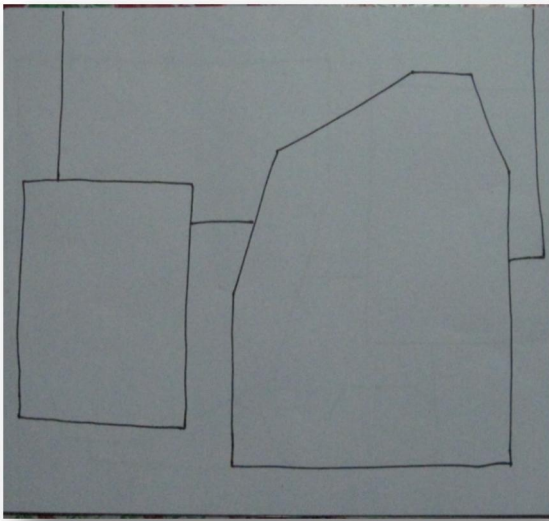
Đề Tài Ước Mơ Của Em

I. Tìm và chọn nội dung đề tài:

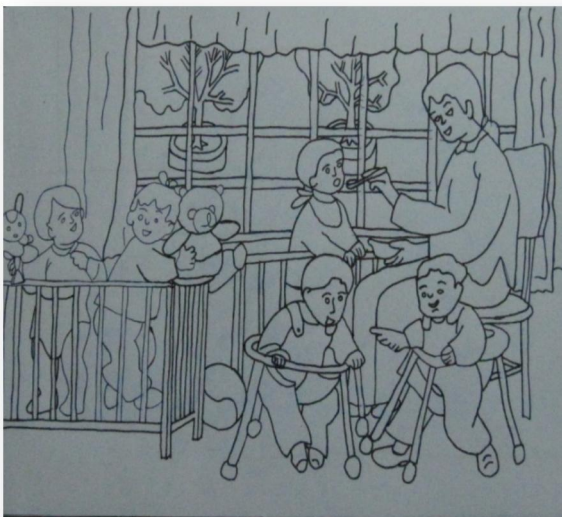
- Ước mơ là những điều mong muốn tốt đẹp của con người được sống trong hòa bình, hạnh phúc, mạnh khỏe,...
- Ước mơ để có lí tưởng phấn đấu trong học tập và làm việc tốt hơn...

II. Cách vẽ:

- Tìm và chọn nội dung đề tài.
- Tìm bố cục mảng chính phụ.



- Vẽ hình.



- Vẽ màu.



III. Thực hành:

- Vẽ tranh đề tài ước mơ của em

UBND QUẬN TÂN BÌNH	KIỂM TRA HỌC KÌ 2
TRƯỜNG THCS TRẦN VĂN QUANG	NĂM HỌC : 2021 -2022
GIÁO VIÊN : CHU CÔNG CƯỜNG	MÔN ÂM NHẠC - LỚP 8
	THỜI GIAN : 45 PHÚT- THỰC HÀNH

ĐỀ CHÍNH THỨC

PHẦN THI THỰC HÀNH (10 ĐIỂM) - THỜI GIAN 45 PHÚT

Câu hỏi: Học sinh tùy chọn thực hành 3 bài hát và 3 bài TĐN đã học ?

Yêu cầu:

- **KHÔNG SỬ DỤNG BÀI THỰC HÀNH KIỂM TRA GIỮA KÌ KHI NỘP BÀI THỰC HÀNH KIỂM TRA HỌC KÌ 2**
- Khi trình bày học sinh tùy chọn một trong ba bài hát và ba bài đọc nhạc.
- Bài hát: hát đúng giai điệu (1,5 điểm), thuộc lời ca (1,5 điểm) kèm động tác minh họa phù hợp bài hát (1 điểm) , có kèm theo nhạc đệm không lời khi hát (1 điểm) (quay một video clip hát hết bài một lần)
- Bài đọc nhạc: kết hợp gõ phách đọc nốt nhạc (3 điểm), đọc đúng cao độ, trường độ, tiết tấu (2 điểm) (quay một video clip đọc nốt + gõ phách hết bài một lần)
- Ghi âm và ghi hình có kèm gương mặt, động tác của học sinh để nhận diện khi chấm bài.
- Nộp bài Kiểm Tra Học Kỳ 2 vào trang Classroom
- Thời gian làm bài một tuần (**từ ngày 18/04 đến 23/04/2022**). **SAU THỜI GIAN NÀY KHÔNG CHẤP NHẬN BÀI LÀM CỦA HỌC SINH DÙ BẤT CỨ LÝ DO GÌ**

ĐÁP ÁN

PHẦN THI THỰC HÀNH (10 ĐIỂM) - THỜI GIAN 45 PHÚT

A - BÀI HÁT (5đ)

- 1. KHÁT VỌNG MÙA XUÂN**
- 2. NỖI TRÔNG LÊN CÁC BẠN ƠI**
- 3. NGÔI NHÀ CỦA CHÚNG TA**

B. TẬP ĐỌC NHẠC (5đ)

- 1. TĐN số 5 : LÀNG TÔI**
- 2. TĐN số 6 : CHỈ CÓ MỘT TRÊN ĐỜI**
- 3. TĐN số 7 : DÒNG SUỐI CHẢY VỀ ĐÂU?**

**** Yêu cầu :***

Hát đúng nhạc và lời ca , thể hiện thái độ tình cảm của bài hát - biết hát kết hợp gõ đệm theo phách , nhịp , tiết tấu , lời ca . Biết hát kết hợp vận động theo nhạc . Đặt lời mới và biểu diễn cho bài “ lý đĩa bánh bò , hò ba lí “ ?

Đọc nhạc chính xác kết hợp gõ đệm theo phách mạnh nhẹ . Ghép lời ca kết hợp đánh nhịp ?

Trường THCS Trần Văn Quang

Tổ : CN - VTM

Ngày Soạn :15//2022

Ngày dạy: 18/4/2022

Tuần 12 HK2 - Tiết 23-24

NHẢY DÂY (KIỂM TRA) – CHẠY BỀN

I. MỤC TIÊU MỤC TIÊU : KIẾN THỨC, NĂNG LỰC PHẨM CHẤT, YÊU CẦU

1. Kiến thức:

- Kiểm tra : Nhảy dây tăng số lần nhảy tập sức bền thể lực.
- Học sinh quay clip nộp trên group Zalo lớp thể dục
- Chạy bền
- Học sinh biết cách thực hiện các động tác
- Thực hiện các bước tăng cầu cơ bản, nâng cao đã được học.
- Học sinh hiểu được kỹ thuật cơ bản yêu cầu cần thực hiện

2. Năng lực

- Thực hiện cơ bản đúng kỹ thuật, thành tích KT ở mức đạt trở lên
- Thực hiện thành thạo các nội dung kiến thức ôn tập
- Phẩm chất
- Năng lực cần đạt: Năng lực vận động, năng lực thể lực, năng lực lập kế hoạch hoạt động hàng ngày
- Phẩm chất cần đạt : Tự lập, tự tin, tự chủ. Có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng...

3. Phẩm chất

- Phẩm chất cần đạt: Tự lập, tự tin, tự chủ, có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng.
- Rèn cho học sinh có thói quen tập luyện thể dục thể thao, tác phong nhanh nhẹn và thái độ nghiêm túc trong giờ học.

4. Yêu cầu

- Tập vừa sức , tùy theo tình hình sức khỏe của bản thân

II. CHẠY NGẮN :

PHÂN TÍCH	HÌNH ẢNH MINH HỌA
1. ÔN : Nhảy dây Các động tác nhảy dây ngắn: 1. So dây: Hai tay cầm hai đầu dây, chân phải hoặc chân trái giẫm lên dây dây đặt sát mặt đất) độ dài của dây từ đất lên tới ngang vai là thích hợp. 2. Trao dây: - TTCB : Hai tay cầm hai đầu dây (dây sát đất). - Động tác: Trao dây sang trái, trao dây sang phải chủ yếu xoay cổ tay, hai tay chuyển động theo hình số 8 ngang, dây được quất ra trước mặt kéo xuống dưới, sang trái, ra sau, lên cao, rồi ra trước mặt, sang phải... + Nhịp 1: Trao dây sang bên trái, qua trước mặt, hai cẳng tay gần như sát nhau, tay phải trên, tay trái dưới. + Nhịp 2: Trao dây sang bên phải, hai tay gần như song song. + Nhịp 3: Trao dây sang bên trái, động tác như nhịp 1. + Nhịp 4: Dây để ở phía trước (sát chân) chuẩn bị nhảy qua dây. Chú ý: Không dang tay quá rộng sang 2 bên, dây	* Yêu cầu: HS thực hiện đúng động tác đã học, nắm và thực hiện được động tác và nghiêm túc trong tập luyện 

chạm đất phía trước mặt. Hơi nhún gối và xoay người theo nhịp lảo đảo của dây.

3. Động tác nhảy chụm chân có bước đệm:

- TTCB : Đứng thẳng, hai tay cầm 2 đầu dây, dây để sát đất phía sau.

- Động tác: Cơ bản như động tác nhảy chụm chân không bước đệm. Khi dây quay gần đến chân thì hai chân chụm lại nhảy qua dây và sau đó hai chân tiếp tục nhảy bước đệm một nhịp không có dây, đến nhịp sau mới nhảy qua dây. Như vậy hai chân phải nhảy liên tục (nhịp nhảy qua dây, nhịp nhảy đệm không qua dây).

4. Động tác nhảy chụm chân không có bước đệm:

- TTCB : Đứng thẳng, hai tay cầm 2 đầu dây, dây để sát đất phía sau.

- Động tác: Dùng cổ tay quay dây, đưa dây từ phía sau lên cao, ra trước, xuống dưới, dây gần đến chân thì bật nhảy hai chân lên cho dây qua và cứ thế nhảy qua dây theo nhịp bật chân.

5. Nhảy qua dây từng chân một:

- TTCB : Đứng thẳng, hai tay cầm 2 đầu dây, dây để sát đất phía sau.

- Động tác: Khi dây sắp qua chân thì nhảy co một chân lên trước (chân trái hoặc chân phải nhảy qua dây trước) cho dây qua, rồi hạ chân xuống, chân sau tiếp tục co lên ra sau để dây qua nốt.

ÔN : Phát cầu qua lưới :

Học sinh ở nhà tập phát cầu bay bổng xa trên 4 mét

2. KIỂM TRA : Nhảy tăng số lượng

Học sinh chia số lần nhảy ra nhiều lần

Lần 1 : 20 cái nghỉ 30 giây (1 ĐIỂM)

Lần 2 : 30 cái nghỉ 30 giây (2 ĐIỂM)

Lần 3 : 40 cái nghỉ 30 giây (3 ĐIỂM)

Lần 4 : 50 cái nghỉ 5 phút (4 ĐIỂM)

Học sinh lập lại bài tập tùy vào thể lực của mình.

3. Thả lỏng :



Các động tác thả lỏng : học sinh thực hiện động tác rũ tay và chân

Dùng 2 tay xoay đùi

Ngồi hai chân duỗi gập thân về trước kéo

	căng cơ.
--	----------

TIN HỌC 8
TUẦN 12 (18/04/2022 ĐẾN 23/4/2022)

Làm việc với dãy số

1. Dãy số và biến mảng:

Dữ liệu kiểu mảng là một tập hợp hữu hạn các phần tử có thứ tự, mọi phần tử đều có cùng một kiểu dữ liệu, gọi là kiểu của phần tử.

2. Ví dụ về biến mảng:

Cách khai báo mảng trong Pascal như sau:

Tên mảng : array[<chỉ số đầu>.. <chỉ số cuối>] of <kiểu dữ liệu>

3. Tìm giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất của dãy số

```
program MaxMin;
uses crt;
Var
  i, n, Max, Min: integer;
  A: array[1..100] of integer;
Begin
  clrscr;
  write('Hay nhap do dai cua day so, = '); readln(n);
  writeln('Nhap cac phan tu cua day so:');
  For i:=1 to n do
    Begin
      write('a[' ,i,']='); readln(a[i]);
    End;
  Max:=a[1]; Min:=a[1];
  for i:=2 to n do
    begin if Max<a[i] then Max:=a[i];
          if Min>a[i] then Min:=a[i]
        end;
  write('So lon nhat la Max = ',Max);
  write(';   So nho nhat la Min = ',Min);
  readln;
End.
```